

3	Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu
	 Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, chủ sở hữu phải đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo Bảo Hiểm Viễn Đông sẽ cấp cổ phiếu mới.	 (bãi bỏ)
4	Điều 10. Chuyển nhượng, chào bán cổ phần	Điều 10. Chuyển nhượng, chào bán cổ phần
	4. Trường hợp Bảo Hiểm Viễn Đông phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Bảo Hiểm Viễn Đông thì phải thực hiện theo quy định sau đây: Bảo Hiểm Viễn Đông thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày thông báo;	4. Trường hợp Bảo Hiểm Viễn Đông phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Bảo Hiểm Viễn Đông thì phải thực hiện theo quy định sau đây: Bảo Hiểm Viễn Đông thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ <i>chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần.</i>
5	Điều 19. Nghĩa vụ báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn	Điều 19. Nghĩa vụ báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn
	1. Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông lớn của Bảo Hiểm Viễn Đông có nghĩa vụ báo cáo cho Bảo Hiểm Viễn Đông, Ủy ban chứng khoán nhà nước trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn. Trường hợp cổ phiếu của Bảo Hiểm Viễn Đông được niêm yết, cổ đông lớn phải đăng thời báo cáo cho Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Bảo Hiểm Viễn Đông được niêm yết. 2. Báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau: a. Tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với cổ đông lớn là tổ chức; họ tên, tuổi, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với cổ đông lớn là cá nhân; b. Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành. 3. Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy	1. Tổ chức, cá nhân trở thành cổ đông lớn của Bảo Hiểm Viễn Đông có nghĩa vụ báo cáo cho Bảo Hiểm Viễn Đông trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn. 2. Báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau: a. Tên, địa chỉ, ngành, nghề kinh doanh đối với cổ đông lớn là tổ chức; họ tên, tuổi, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với cổ đông lớn là cá nhân; b. Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành.

	định tại Khoản 2 Điều này hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá 1% số lượng cổ phiếu cùng loại đang lưu hành, thì trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi trên, cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Báo hiểm Viễn Đông, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán trường hợp cổ phiếu của Bảo hiểm Viễn Đông được niêm yết. 4. Các quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Bảo hiểm Viễn Đông.	
6	Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Bảo hiểm Viễn Đông; b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT; d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Bảo hiểm Viễn Đông, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc; e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; g. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát; h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát; i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT, Ban kiểm soát; j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Bảo hiểm Viễn Đông khi xét thấy cần thiết;	Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông <i>(bãi bỏ vì các nội dung này thuộc thẩm quyền ĐHCĐ quy định tại Khoản 1 Điều này)</i>

	k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Bảo hiểm Viễn Đông; n. Tổ chức lại và giải thể Bảo hiểm Viễn Đông; o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Bảo hiểm Viễn Đông. p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; q. Bảo hiểm Viễn Đông ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Bảo hiểm Viễn Đông được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát; t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
7	Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.

8	Điều 26. Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Bảo hiểm Viễn Đông phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Bảo hiểm Viễn Đông cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	Điều 26. Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Bảo hiểm Viễn Đông phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Bảo hiểm Viễn Đông cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
9	Điều 28. Thẩm quyền và thẻ thực lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Bảo hiểm Viễn Đông, trừ các trường hợp sau đây: a. Định hướng phát triển công ty; b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; d. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; e. Tổ chức lại, giải thể công ty.	Điều 28. Thẩm quyền và thẻ thực lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Bảo hiểm Viễn Đông, trừ các trường hợp sau đây: a. Định hướng phát triển công ty; b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; d. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; e. Tổ chức lại, giải thể công ty.
10	Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 4. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự	Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm

	hợp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Bảo hiểm Viễn Đông. 5. (Không có nội dung này)	theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. 5. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi nghị quyết, biên bản họp/biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
11	Điều 31. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Bảo hiểm Viễn Đông phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Bảo hiểm Viễn Đông để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Bảo hiểm Viễn Đông nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác); đ. Lợi ích có liên quan tới Bảo hiểm Viễn Đông và các bên có liên quan của Bảo hiểm Viễn Đông;	Điều 31. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Bảo hiểm Viễn Đông phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Bảo hiểm Viễn Đông để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Bảo hiểm Viễn Đông nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác); đ. Lợi ích có liên quan tới Bảo hiểm Viễn Đông và các bên có liên quan của Bảo hiểm Viễn Đông;
	... 4. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.	... 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu

		chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật.
12	Điều 32. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 32. Thành phần, nhiệm kỳ và điều kiện, tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị
	1. Số lượng thành viên HĐQT không ít hơn ba thành viên, không quá 11 thành viên ... 6. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Bảo hiểm Viễn Đông.	1. Số lượng thành viên HĐQT không ít hơn ba thành viên, không quá bảy thành viên. ... 6. Điều kiện và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15, cụ thể: a. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. b. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm. c. Có ít nhất 03 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng. d. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động trong cùng lĩnh vực. e. Không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
13	Điều 33. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 33. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
	2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và ĐHCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: ... i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người	2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và ĐHCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: ... i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc

	quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc HĐQT ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo hiểm Viễn Đông; k. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự của Bảo hiểm Viễn Đông, bao gồm: - Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và các phòng, ban nghiệp vụ trực thuộc trụ sở chính; - Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. l. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	HĐQT ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
14	Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
	2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc.	2. Chủ tịch HĐQT phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của thành viên HĐQT và phải có ít nhất 05 năm trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng.	
15	Điều 37. Người phụ trách quản trị công ty	Điều 37. Người phụ trách quản trị công ty	
	1. HĐQT của Bảo hiểm Viễn Đông phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	
16	Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc		
	1. HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT (trừ Chủ tịch HĐQT) hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.	1. HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 81 và Điều 82 Luật	

Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15: a. Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm. c. Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp; d. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, trong đó có ít nhất 03 năm giữ vị trí là người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài; e. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. f. Không được đồng thời làm việc cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài khác hoạt động trong cùng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe hoặc tái bảo hiểm tại Việt Nam g. Chỉ được kiêm nhiệm tối đa Giám đốc của 01 chi nhánh hoặc Trưởng 01 văn phòng đại diện hoặc Trưởng 01 bộ phận nghiệp vụ của cùng một doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. ... 4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT; b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;	4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo hiểm Viễn Đông mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
---	--

	b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Bảo hiểm Viễn Đông; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Bảo hiểm Viễn Đông; đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Bảo hiểm Viễn Đông, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT; e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Bảo hiểm Viễn Đông, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; g. Tuyển dụng lao động; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;	c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; e. Quyết định thành lập các phòng, ban kinh doanh trực thuộc; f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Trưởng bộ phận nghiệp vụ trực thuộc trụ sở chính và Giám đốc các đơn vị kinh doanh, văn phòng đại diện trên cơ sở đã được HĐQT phê duyệt; g. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Bảo hiểm Viễn Đông, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; h. Tuyển dụng lao động; Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
17	Điều 43. Thành phần Ban Kiểm soát (không có nội dung này)	Điều 43. Thành phần Ban Kiểm soát 5. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều 82 Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và Điều 26 Nghị định 46/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, cụ thể: a. Có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; b. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ trong 03 năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm; không bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật tại thời điểm được bầu, bổ nhiệm; c. Có bằng từ đại học trở lên của một trong các chuyên ngành bảo hiểm, kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

		d. Có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng. e. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác. Việc xác định người có quan hệ gia đình thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. f. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; g. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; h. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.
18	Điều 44. Trưởng Ban kiểm soát <i>(Không có nội dung này)</i>	Điều 44. Trưởng Ban kiểm soát 2. Điều kiện, tiêu chuẩn của Trưởng Ban Kiểm soát: Trưởng Ban Kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát và các điều kiện sau đây quy định tại Điều 82 Luật Kinh doanh bảo hiểm, cụ thể: a. Có tối thiểu 05 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng hoặc có tối thiểu 03 năm giữ một trong các vị trí là người quản lý, điều hành, kiểm soát tại doanh nghiệp hoạt động trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng; kiểm soát viên có tối thiểu 03 năm trực tiếp làm việc trong một hoặc các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng. b. Không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động tại Việt Nam.
19	Điều 51. Công nhân viên và công đoàn	Điều 51. Công nhân viên và công đoàn 1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền

	lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp. 2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Bảo hiểm Viễn Đông với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Bảo hiểm Viễn Đông và quy định pháp luật hiện hành.	tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với các chức danh quản lý công ty 2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Bảo hiểm Viễn Đông với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Bảo hiểm Viễn Đông và quy định pháp luật hiện hành.
20	Điều 52. Lợi nhuận	Điều 52. Lợi nhuận
	3. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, trích lập quỹ dự trữ bắt buộc và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, Bảo hiểm Viễn Đông sẽ trích lập các quỹ và sử dụng số lợi nhuận còn lại như sau: a. Quỹ phát triển kinh doanh; b. Quỹ phúc lợi; c. Quỹ khen thưởng; d. Quỹ khác theo quy định của công ty, của pháp luật. Tỷ lệ trích lập quỹ theo đúng quy định của pháp luật sẽ do HĐQT quyết định và thông qua ĐHĐCĐ trong phiên họp thường kỳ hàng năm.	3. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, trích lập quỹ dự trữ bắt buộc và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, Bảo hiểm Viễn Đông sẽ trích lập các quỹ và sử dụng số lợi nhuận còn lại như sau: e. Quỹ phát triển kinh doanh; f. Quỹ phúc lợi; g. Quỹ khen thưởng; h. Quỹ khác theo quy định của công ty, của pháp luật. Tỷ lệ trích lập quỹ theo đúng quy định của pháp luật sẽ thông qua ĐHĐCĐ quyết định trong phiên họp thường kỳ hàng năm.
21	Điều 59. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	Điều 59. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý
	(Không có nội dung này)	4. Bảo hiểm Viễn Đông thực hiện công khai các báo cáo tài chính trên trang thông tin điện tử của công ty theo quy định pháp luật.
22	Điều 60. Báo cáo thường niên	(Bãi bỏ)
	Bảo hiểm Viễn Đông phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	
23	Điều 62. Đối tượng và phương thức công bố thông tin	Điều 61. Đối tượng và phương thức công bố thông tin
	1. Việc công bố thông tin của Bảo hiểm Viễn Đông phải do Người đại	1. Việc công bố thông tin của Bảo hiểm Viễn Đông phải do Người

	điện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. 2. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, ấn phẩm của Bảo Hiểm Viễn Đông và các phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán. 3. Khi công bố thông tin, phải đồng thời báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các nội dung thông tin được công bố.	đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. 2. Việc công bố thông tin được thực hiện qua website của Công ty và các phương tiện thông tin đại chúng tùy từng trường hợp theo quy định pháp luật.
24	Điều 63. Công bố thông tin 1. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm. 2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên (06 tháng đầu năm tài chính) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo Chuẩn mực kiểm toán về công tác soát xét Báo cáo tài chính trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét và không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. 3. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính quý trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày kết thúc quý. 4. Công bố thông tin bất thường 4.1. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: a. Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty; b. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay	Điều 62. Công bố thông tin Bảo hiểm Viễn Đông công bố thông tin định kỳ, thường xuyên hoặc bất thường trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Doanh nghiệp.

đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

- c. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d. Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
- đ. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- e. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;
- h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

- i. Quyết định của ĐHCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;
- k. Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;
- l. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
- Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;
- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch; công ty công bố thông tin trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.
- m. Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung;
- n. Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Bảo hiểm Viễn Đông niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có) Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới;
- o. Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;
- p. Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;
- q. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo

tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

r. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

s. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

4.2. Công bố thông tin về ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Việc công bố thông tin về ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 10 TT 96/2020/TT-BTC;

b. Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Bảo hiểm Viễn Đông phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4.3. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều này, công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

4.4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

4.5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

a. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về

kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

b. Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

c. Sau khi chia, tách, sáp nhập, công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

4.6. Khi xảy ra các sự kiện khác

a. Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

b. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

c. Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

5. Ngoài các thông tin trên, công ty còn phải công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán, của Điều lệ công ty. Nội dung thông tin được công bố phải được đồng thời báo cáo Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.